

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2021/DS-PT.

Ngày: 31 - 5 - 2021.

**V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Khải.

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh.

Bà Võ Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Hùng Vĩ – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Ông Nguyễn Văn Hòa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Từ ngày 28 đến ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 02 năm 2021, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 180/2020/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 67/2021/QĐPT-DS ngày 26 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 51/2021/QĐ-PT, ngày 16 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 67/2021/QĐ-PT, ngày 12 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hồ NH; địa chỉ số 1, đường 2, khu vực 3 phường 4, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông V; địa chỉ số A, phường b, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* Ông L; địa chỉ ấp L, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Bà Trần O; địa chỉ ấp 1 xã 2, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

3.2 Bà C; địa chỉ ấp 1, xã 2, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

3.3 Bà G; địa chỉ ấp 1, xã 2, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

4. *Người kháng cáo:*

4.1 Bị đơn ông L.

4.2 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần O.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Hồ NH trình bày: Vào ngày 08 tháng 10 năm 2012, bị đơn là ông L có vay của nguyên đơn số tiền là 400.000.000^d, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, thời hạn thanh toán là 03 tháng. Để đảm bảo khoản vay trên, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trần O, chị C và chị G có lập văn bản thỏa thuận ngày 08 tháng 10 năm 2012, xác định việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BI 327986 ngày 29 tháng 6 năm 2012; AM 721755 ngày 26 tháng 6 năm 2008, do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho hộ ông L để đảm bảo nợ vay, nội dung hợp đồng còn thỏa thuận: Nếu sau 03 tháng bị đơn không trả nợ gốc và lãi cho nguyên đơn thì phải làm thủ tục sang tên, chuyển quyền cho nguyên đơn các thửa đất đã chuyển nhượng. Cùng ngày các bên tiếp tục lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với 02 phần đất trên cùng tài sản gắn liền với đất. Tuy nhiên, khi quá thời hạn thanh toán, nguyên đơn có lập hồ sơ làm thủ tục sang tên nhưng không thực hiện được, vì phần đất chuyển nhượng đã bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hậu Giang ban hành văn bản đề nghị ngăn chặn việc chuyển nhượng để đảm bảo thi hành án đối với khoản nợ mà bị đơn đã nợ người khác.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn là ông L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trần O, C và G có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn nợ gốc là 400.000.000^d cùng lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật từ ngày 08 tháng 12 năm 2012 đến thời điểm có Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và bổ sung ý kiến đồng ý hủy Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất lập cùng ngày 08 tháng 10 năm 2012.

Phía bị đơn ông L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà O và chị C thống nhất trình bày: Thừa nhận vào năm 2012, bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền là 400.000.000^d, khi vay có thể chấp cho nguyên đơn 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BI 327986 ngày 29 tháng 6 năm 2012; AM 721755 ngày 26 tháng 6 năm 2008. Việc vay nợ của nguyên đơn là do bị đơn trực tiếp vay, bà và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác là C và G có biết, đồng thời bị đơn vay nợ nhằm mục đích làm ăn phát triển kinh tế chung của gia đình. Từ đó đến nay, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã đóng lãi cho nguyên đơn số tiền là 30.000.000^d, sau đó do gia đình làm ăn thất bại nên không có khả năng trả thêm khoản nào cho nguyên đơn. Bà O và chị C có yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết: Đồng ý trả cho nguyên đơn số nợ gốc là 400.000.000^d và yêu cầu được chuộc lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị G vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

Tại bản án sơ thẩm số: 180/2020/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

Buộc ông L và bà Trần O có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Hồ NH số tiền là 1.000.000.000^d (một tỷ đồng), trong đó: Nợ gốc là 400.000.000^d (bốn trăm triệu đồng), nợ lãi là 600.000.000^d (sáu trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 03 tháng 11 năm 2020, bị đơn ông L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà O kháng cáo yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông, bà và nguyên đơn ông Hồ NH lập ngày 08/10/2012; Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ NH do hết thời hạn khởi kiện; yêu cầu được chuộc lại giá 600.000.000^d; Không đồng ý trả vốn và lãi là 1.000.000.000^d vì quá cao, gia đình không có khả năng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông L đồng thời là người đại diện ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xác định lại nội dung kháng cáo là chỉ kháng cáo không đồng ý trả vốn và lãi 1.000.000.000^d (một tỷ đồng) theo bản án sơ thẩm đã tuyên. Thừa nhận nợ vốn 400.000.000^d (Bốn trăm triệu đồng) và đồng ý trả lãi 200.000.000^d (Hai trăm triệu đồng). Các phần khác theo đơn kháng cáo không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông V không đồng ý kháng cáo của ông L, bà O trả vốn và lãi 600.000.000^d (sáu trăm triệu đồng) mà tự nguyện giảm tự nguyện giảm lãi cho bị đơn 50.000.000^d (Năm mươi triệu đồng).

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng; quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm cho rằng, tại phiên tòa bị đơn tự nguyện rút lại một phần nội dung kháng cáo và chỉ còn kháng cáo đồng ý trả cho nguyên đơn 600.000.000^d ; Trong đó vốn 400.000.000^d, 200.000.000^d; Tuy nhiên bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc yêu cầu mà chỉ trình bày đồng ý trả lãi 200.000.000^d do hoàn cảnh khó khăn. Việc xin giảm lãi của bị đơn không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp nhận nên không có cơ sở xem xét. Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý giảm lãi cho bị đơn 50.000.000^d (Năm mươi triệu đồng) là có lợi cho bị đơn. Nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ghi nhận sự tự nguyện của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần O, theo đó buộc ông L và bà Trần O có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Hồ

NH số tiền là 950.000.000^d trong đó: Nợ gốc là 400.000.000^d, nợ lãi là 550.000.000^d.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông L đồng thời là đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần O, chị C, chị G thừa nhận có nợ của nguyên đơn ông Hồ NH tiền nợ gốc là 400.000.000^d (bốn trăm triệu đồng) theo giấy nhận tiền ngày 08/10/2012 và nợ lãi theo thỏa thuận 5%/tháng. Tuy nhiên, ông L cho rằng hoàn cảnh kinh tế gia đình của ông hiện nay gặp nhiều khó khăn nên xin được trả nợ gốc là 400.000.000^d (bốn trăm triệu đồng) và nợ lãi là 200.000.000^d (hai trăm triệu đồng). Bị đơn yêu cầu trả lãi 200.000.000^d (hai trăm triệu đồng), nhưng không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp nhận. Ông L không chứng minh được gia đình ông đang gặp khó khăn, cũng như không chứng minh được căn cứ để tính tiền lãi phải trả 200.000.000^d (hai trăm triệu đồng), nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[2] Xét thấy, cấp sơ thẩm đã nhận định nguyên đơn chỉ khởi kiện giao dịch hợp đồng vay tài sản được bị đơn thừa nhận là nợ vay. Theo đó, giữa các đương sự có thỏa thuận thời hạn thanh toán là 03 tháng, nhưng cho đến nay phía bị đơn vẫn chưa trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh là đã vi phạm thời hạn thanh toán. Xét mức lãi suất các bên thỏa thuận là 5%/tháng là cao hơn so với quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 tại thời điểm giao dịch, nên đã điều chỉnh lại với mức lãi suất bằng 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố là 13,5%/năm đối với lãi suất trong hạn; lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn là $13,5\% \times 150\% = 20,25\%$ /năm và xác định thời gian chưa trả lãi để tính với tổng số tiền lãi 600.000.000^d (sáu trăm triệu đồng) là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông V tự nguyện giảm tiền lãi cho bị đơn 50.000.000^d (năm mươi triệu đồng); nay yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn tiền gốc 400.000.000^d (bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi là 550.000.000^d (năm trăm năm mươi triệu đồng) là có lợi cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; và đồng thời, đồng ý giao lại

02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn trong giai đoạn thi hành án. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông L và bà Trần O, sửa bản án sơ thẩm; theo đó buộc ông L và bà Trần O có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Hồ NH số tiền là 950.000.000đ trong đó: Nợ gốc là 400.000.000đ, nợ lãi là 550.000.000đ; nguyên đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho hộ ông L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 721755 số vào Sổ H-02165 do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 26/6/2008; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 327986 số vào Sổ CH00265 do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/6/2012 trong giai đoạn thi hành án.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn là ông L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà O phải chịu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Trong phạm vi xét xử phúc thẩm, ông L và bà O chỉ kháng cáo yêu cầu giảm lãi nên các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 129, Điều 298, Điều 425, Điều 47, Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 25 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông L, bà Trần O.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ NH.

Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Buộc ông L và bà Trần O có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Hồ NH số tiền là 950.000.000^d (chín trăm năm mươi triệu đồng), trong đó: Nợ gốc là 400.000.000^d (bốn trăm triệu đồng), nợ lãi là 550.000.000^d (năm trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Buộc nguyên đơn ông Hồ NH có nghĩa vụ hoàn trả cho hộ ông L gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 721755 số vào Sổ H-02165 do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 26/6/2008; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 327986 số vào Sổ CH00265 do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/6/2012 trong giai đoạn thi hành án.

2. Hủy Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất lập cùng ngày 08 tháng 10 năm 2012 giữa ông Hồ NH với ông L, bà Trần O, chị C và chị G.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông L và bà Trần O phải nộp 40.500.000^d (bốn mươi triệu năm trăm đồng). Ông Hồ NH được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000^d (mười triệu đồng) theo biên lai thu số 0002368 ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hậu Giang.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu. Ông L và bà O được nhận lại 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo theo biên lai thu số 0005987 ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 31 tháng 5 năm 2021.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H. P;
- Chi cục THADS H. P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Hoàng Khải